

ĐỀ CƯƠNG NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý cây xanh, công viên đô thị

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về các hoạt động liên quan đến cây xanh, công viên đô thị bao gồm:

a) Tổ chức quản lý, duy trì cây xanh đô thị và quản lý, vận hành công viên đô thị;

b) Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản hạ tầng cây xanh, công viên đô thị do Nhà nước quản lý;

c) Tổ chức phát triển cây xanh, công viên đô thị.

2. Các công viên không hình thành trên đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

3. Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến cây xanh, công viên đô thị trên lãnh thổ nước Việt Nam.

4. Khuyến khích áp dụng quy định của Nghị định này đối với hoạt động liên quan đến cây xanh, công viên ở khu vực dự kiến phát triển đô thị được xác định trong quy hoạch đã phê duyệt hoặc khu chức năng, khu dân cư tập trung nằm ngoài đô thị.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cây xanh đô thị* là các loại cây được chọn trồng hoặc cây mọc tự nhiên được chọn giữ lại trong đô thị (gồm cây bóng mát, cây bụi, cây dây leo, cây thân thảo).

2. *Cây xanh đô thị sử dụng công cộng* là các loại cây xanh đô thị trong không gian đường phố (hè phố, dải phân cách, đảo giao thông); không gian công viên, vườn hoa, quảng trường và các không gian công cộng khác.

3. *Cây xanh đô thị sử dụng hạn chế* là các loại cây xanh đô thị trong không gian các trụ sở, trường học, bệnh viện, nghĩa trang, các công trình tín ngưỡng, biệt thự, nhà ở và các công trình công cộng khác do các tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng.

4. *Cây xanh đô thị chuyên dụng* là các loại cây trong vườn ươm hoặc phục

vụ nghiên cứu; *cây xanh cách ly* trong đô thị.

5. *Cây xanh cách ly* là loại cây xanh được sử dụng cho mục tiêu cách ly, phòng hộ.

6. *Cây xanh cần bảo tồn* là cây cổ thụ, cây thuộc danh mục loài cây nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, cây được liệt kê trong sách đỏ thực vật Việt Nam, cây được công nhận có giá trị lịch sử văn hóa.

7. *Cây cổ thụ* là cây thân gỗ lâu năm được trồng hoặc mọc tự nhiên, có độ tuổi tối thiểu 50 năm hoặc cây có đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn tương ứng với độ tuổi tối thiểu 50 năm trở lên tùy theo đặc tính sinh trưởng của loài cây.

8. *Cây nguy hiểm* là cây hoặc một phần của cây có nguy cơ gãy đổ gây tai nạn cho người, làm hư hỏng các phương tiện và công trình; cây đến tuổi già cỗi bị sâu mục gốc hoặc thân cây; cây bị sâu bệnh có nguy cơ gây bệnh trên diện rộng.

9. Chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị là công tác xử lý hoàn trả mặt bằng tại vị trí cây xanh đô thị cần loại bỏ hoàn toàn hoặc di dời cây xanh đô thị từ vị trí hiện tại đến một vị trí mới.

10. *Công viên* là một khu vực để bảo vệ và phát triển các nguồn thiên nhiên, tạo cảnh quan, cải thiện môi trường sinh thái hoặc một nơi vui chơi, nghỉ ngơi, thư giãn, giải trí cho mọi người.

11. *Công viên đô thị* là công trình công viên, vườn hoa được xây dựng trên đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị.

12. *Công viên đô thị đa chức năng* là một loại công viên đô thị được thiết kế để sử dụng với nhiều mục đích bao gồm tạo cảnh quan, cải thiện môi trường sinh thái, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, thoát nước mưa và các mục đích khác.

13. *Công viên cây xanh đô thị* là một loại công viên đô thị được thiết kế với mục đích chính tạo cảnh quan, không gian xanh, cải thiện môi trường sinh thái đô thị, trên đó xây dựng các công trình tương đối đơn giản và tổ chức hoạt động nghỉ ngơi, dạo bộ, thể dục thể thao đơn giản.

14. *Danh mục cây xanh đô thị phổ biến sử dụng công cộng Việt Nam* là danh mục các loài cây bóng mát sử dụng công cộng được trồng phổ biến ở đô thị Việt Nam.

15. *Danh mục cây xanh đô thị sử dụng công cộng địa phương* là danh mục các loài cây xanh sử dụng công cộng phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng trên địa bàn một đơn vị hành chính cấp tỉnh.

16. *Đất cây xanh đô thị* bao gồm đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị, đất

cây xanh sử dụng hạn chế, đất cây xanh chuyên dụng.

a) *Đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị (gọi tắt là đất công viên đô thị)* là đất dùng để xây dựng công viên đô thị được xác định trong quy hoạch đô thị đã phê duyệt;

b) *Đất cây xanh sử dụng hạn chế* là đất để trồng cây xanh trong khuôn viên các công trình, công viên chuyên đề do tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng;

c) *Đất cây xanh chuyên dụng* là đất vườn ươm, đất trồng cây xanh phục vụ nghiên cứu, đất cây xanh cách ly.

17. *Dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị* là dịch vụ thực hiện các công việc bao gồm trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ và chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị sử dụng công cộng.

18. *Dịch vụ về quản lý công viên đô thị* là dịch vụ thực hiện các công việc bao gồm hoạt động vận hành, khai thác, bảo trì cơ sở hạ tầng, duy trì cảnh quan, môi trường và bảo đảm an ninh, an toàn trong công viên đô thị.

19. *Đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn* là đường kính được tính bằng một phần ba chu vi thân cây tại chiều cao 1,3 m.

20. *Dự án phát triển cây xanh, công viên đô thị* là một loại dự án độc lập hoặc dự án thành phần, hạng mục của dự án phát triển đô thị nhằm xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo cây xanh, công viên trong đô thị.

21. *Không gian công cộng* là những khu vực chung trong đô thị phục vụ các nhu cầu thư giãn, kết nối, tương tác trong cộng đồng mà tất cả mọi người đều có quyền tiếp cận và sử dụng..

22. *Mảng xanh* là phần bề mặt được trồng hoặc che phủ cây xanh.

23. *Vườn hoa* là một loại công trình công viên cây xanh đô thị có diện tích và kích thước không lớn.

24. *Vườn ươm cây* là vườn gieo, ươm tập trung các loài cây giống theo quy trình kỹ thuật để nhân giống cây và đảm bảo các tiêu chuẩn cây trồng trước khi đem ra trồng.

Điều 3. Nguyên tắc chung về quản lý cây xanh, công viên đô thị

Điều 4. Bảo đảm không gian cây xanh trong hoạt động quản lý quy hoạch

Điều 5. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về cây xanh, công viên đô thị

Điều 6. Quản lý cơ sở dữ liệu về cây xanh, công viên đô thị

Điều 7. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về cây xanh, công

viên đô thị

Chương II. QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

MỤC 1. TỔ CHỨC QUẢN LÝ, DUY TRÌ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 8. Phân loại cây xanh đô thị

Điều 9. Yêu cầu đối với quản lý, duy trì cây xanh đô thị

Điều 10. Phương án thiết kế cây xanh đô thị

Điều 11. Loại cây xanh đô thị sử dụng công cộng

Điều 12. Quy trình quản lý, duy trì cây xanh đô thị sử dụng công cộng

Điều 13. Chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị

Điều 14. Đền bù, bồi thường thiệt hại liên quan đến cây xanh đô thị

Điều 15. Lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị

Điều 16. Quyền và trách nhiệm của đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị

Điều 17. Hợp đồng thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị

Điều 18. Kinh phí cho hoạt động quản lý, duy trì cây xanh đô thị sử dụng công cộng do Nhà nước quản lý

MỤC 2. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN HẠ TẦNG CÂY XANH ĐÔ THỊ DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ

Điều 19. Tài sản hạ tầng cây xanh đô thị do Nhà nước quản lý (Khái niệm và phân loại)

Điều 20. Thẩm quyền giao quản lý, phê duyệt phương án khai thác và xử lý tài sản hạ tầng cây xanh đô thị

Điều 21. Giao quản lý tài sản hạ tầng cây xanh đô thị

Điều 22. Khai thác tài sản hạ tầng cây xanh đô thị

Điều 23. Xử lý tài sản hạ tầng cây xanh đô thị

Điều 24. Hồ sơ quản lý tài sản hạ tầng cây xanh đô thị

Điều 25. Kế toán tài sản hạ tầng cây xanh đô thị

Điều 26. Chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản hạ tầng cây xanh đô thị

Điều 27. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản hạ tầng cây xanh đô thị

Chương III. QUẢN LÝ CÔNG VIÊN ĐÔ THỊ**MỤC 1. TỔ CHỨC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH CÔNG VIÊN ĐÔ THỊ****Điều 28. Phân loại công viên đô thị****Điều 29. Yêu cầu đối với quản lý, vận hành công viên đô thị****Điều 30. Quy hoạch chi tiết công viên đô thị****Điều 31. Nội quy công viên đô thị****Điều 32. Quy trình quản lý, vận hành công viên đô thị****Điều 33. Quản lý hồ, hồ điều hòa trong phạm vi công viên đô thị****Điều 34. Quản lý công trình công cộng ngầm trong phạm vi công viên đô thị****Điều 35. Tổ chức hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, văn hóa nghệ thuật và các sự kiện khác trong công viên đô thị****Điều 36. Lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý công viên đô thị****Điều 37. Quyền và trách nhiệm của đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý công viên đô thị****Điều 38. Hợp đồng thực hiện dịch vụ về quản lý công viên đô thị****Điều 39. Kinh phí cho hoạt động quản lý, vận hành công viên đô thị do Nhà nước quản lý****MỤC 2. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN HẠ TẦNG CÔNG VIÊN ĐÔ THỊ DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ****Điều 40. Tài sản hạ tầng công viên đô thị do Nhà nước quản lý (Khái niệm, phân loại)****Điều 41. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản hạ tầng công viên đô thị****Điều 42. Thẩm quyền giao quản lý, phê duyệt phương án khai thác và xử lý tài sản hạ tầng công viên đô thị****Điều 43. Giao quản lý tài sản hạ tầng công viên đô thị****Điều 44. Phương thức khai thác tài sản hạ tầng công viên đô thị****Điều 45. Đơn vị được giao quản lý tài sản hạ tầng công viên đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản****Điều 46. Cho thuê quyền khai thác tài sản hạ tầng công viên đô thị****Điều 47. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hạ tầng**

công viên đô thị

Điều 48. Giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hạ tầng công viên đô thị

Điều 49. Xử lý tài sản hạ tầng công viên đô thị

Điều 50. Hồ sơ quản lý tài sản hạ tầng công viên đô thị

Điều 51. Kế toán tài sản hạ tầng công viên đô thị

Điều 52. Chi phí liên quan đến việc cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hạ tầng công viên đô thị và xử lý tài sản hạ tầng công viên đô thị

Điều 53. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác, xử lý tài sản hạ tầng công viên đô thị

Chương IV. TỔ CHỨC PHÁT TRIỂN CÂY XANH, CÔNG VIÊN ĐÔ THỊ

Điều 54. Đề án phát triển cây xanh, công viên đô thị

Điều 55. Nguồn lực phát triển cây xanh, công viên đô thị

Điều 56. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân vào phát triển cây xanh, công viên đô thị

Điều 57. Khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển công viên đô thị

Điều 58. Khai thác phần đất công viên đô thị có mục đích kinh doanh

Điều 59. Trao đổi tín chỉ các-bon thu được từ cây xanh, công viên đô thị

Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư dự án phát triển cây xanh, công viên đô thị

Chương V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 61. Trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành

Điều 62. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Điều 63. Trách nhiệm của công dân trong quản lý, phát triển cây xanh, công viên đô thị

Điều 64. Hiệu lực thi hành